

Bản án: 128/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 5 - 2023

“V/v Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HOÀ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin.

2. Ông Nguyễn Duy Thương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 282/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 112/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 179/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kiều A, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(Bà A xin vắng mặt; Ông D vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 15 tháng 3 năm 2023 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Lê Thị Kiều A trình bày: Bà Lê Thị Kiều A và ông Nguyễn Thanh D chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An ngày 15 tháng 5 năm 2018. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất hòa trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không phù hợp. Nay bà A xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên xin ly hôn ông D.

Về con chung: Bà A khai, bà A và ông D chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Lê Nhật H, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2019. Khi ly hôn, bà A xin được quyền tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà A khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà A khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Nguyễn Thanh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông D không đến Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An làm việc hoặc phản hồi ý kiến của ông D về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả thẩm tra, xét hỏi tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình; Bị đơn ông Nguyễn Thanh D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Nhon Hòa 2, xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn bà Lê Thị Kiều A xin vắng mặt và bị đơn ông Nguyễn Thanh D vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà A và ông D.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kiều A và ông Nguyễn Thanh D chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An ngày 15 tháng 5 năm 2018 nên quan hệ hôn nhân của bà A và ông D được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất hòa trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không phù hợp. Nay bà A xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên xin ly hôn ông D. Ngược lại, ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không đến Tòa án để tham gia hòa giải đoàn tụ cũng như không tham dự phiên tòa. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn gia đình giữa bà A và ông D đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, bà A yêu cầu được ly hôn với ông D là phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà A khai, bà A và ông D chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Lê Nhật H, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2019. Khi ly hôn, bà A xin

được quyền nuôi con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Ngược lại, ông D đã được triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.3] Về tài sản chung: Bà A khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét. Ngược lại, ông D đã được triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Bà A khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét. Ngược lại, ông D đã được triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị Kiều A phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kiều A xin ly hôn với ông Nguyễn Thanh D.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kiều A được ly hôn với ông Nguyễn Thanh D.

Về con chung: Bà Lê Thị Kiều A được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Lê Nhật H, sinh ngày 03 tháng 3 năm 2019 hiện bà A đang nuôi. Ông Nguyễn Thanh D không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà A không yêu cầu.

Ông D có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom cháu Hạ mà không ai được cản trở. Trường hợp ông D lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông D theo quy định của pháp luật. Bà A cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung của ông D.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì ông D, bà A, người thân thích của cháu Hạ, Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Bà A khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đề cập xem xét.

Về nợ chung: Bà A khai, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không đề cập xem xét.

Về án phí: Bà Lê Thị Kiều A phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước, được khấu trừ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí mà bà A đã nộp theo biên lai số 8229 ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành.

Án này là sơ thẩm, bà A và ông D vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện
- TAND tỉnh Long An
- UBND xã Đ, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Hiệp